

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 194/ 2020/DS-ST.

Ngày: 03 / 8 / 2020.

V/v: Tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Y**.

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-DS ngày 23/6/2020, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị X**, sinh năm 1947. Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị X trình bày:

Vào tháng 10 năm 2018, bà có cho chị Lê Thị L mượn số tiền 7.500.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, lý do cho mượn là để chị L trị bệnh vì bị chồng đánh. Việc cho mượn tiền không có làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Chị L hứa khi qua đám cưới con gái sẽ trả. Tuy nhiên, sau khi tổ chức lễ cưới cho con gái

xong (bà không nhớ rõ thời gian) thì chị L không trả dù bà đã đòi nhiều lần.

Nay bà yêu cầu chị Lê Thị L trả cho bà số tiền 7.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 20/7/2020 và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị L trình bày: Vào khoảng năm 2019, chị không nhớ chính xác thời gian, chị có vay của bà X 03 lần tiền, mỗi lần 500.000đồng, đóng lãi 45.000đồng/ngày/500.000đồng, không làm giấy tờ, không nói rõ thời gian trả. Sau đó chị có xin trả vốn nhưng bà X không đồng ý và chị tiếp tục đóng lãi.

Nay chị đồng ý trả cho bà X số tiền là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà X khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị L trả số tiền 7.500.000đồng mà bà đã cho chị L mượn vào khoảng tháng 10 năm 2018. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà X không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở. Bị đơn chị L chỉ thừa nhận có vay của bà X số tiền 1.500.000đồng, nay chị đồng ý trả cho bà X số tiền là 1.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X, buộc chị Lê Thị L trả cho bà Trần Thị X số tiền 1.500.000đồng.

[3] Về án phí:

- Bà Trần Thị X được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do là người cao tuổi.

- Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị X

1. Buộc chị Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị X số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị X được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do là người cao tuổi.

3. Kể từ ngày bà Trần Thị X có yêu cầu thi hành án, nếu chị Lê Thị L chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bà Trần Thị X, chị Lê Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn